

CHÍNH PHỦ

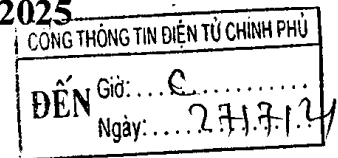
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 263 /BC-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

**BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH  
Ý KIẾN THẨM TRA CỦA ỦY BAN XÃ HỘI  
VÀ Ý KIẾN CỦA ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV  
Về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia  
giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025**

Kính gửi: Quốc hội khóa XV



Thực hiện Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV tại phiên họp thứ 58 (theo Thông báo số 4467/TB-TTKQH ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Tổng Thư ký Quốc hội), Chính phủ đã có Tờ trình số 246/TTr-CP và Báo cáo số 248/BC-CP ngày 19 tháng 7 năm 2021 gửi Quốc hội khóa XV xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại Phiên họp toàn thể lần thứ Nhất, Ủy ban Xã hội đã thẩm tra Chương trình và có Báo cáo thẩm tra số 12/BC-UBXH15 ngày 22 tháng 7 năm 2021.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021, Quốc hội đã thảo luận tại Tổ về đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Tổng số lượt đại biểu Quốc hội phát biểu ý kiến: 150 ý kiến.

Chính phủ báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ủy ban Xã hội (sau đây gọi tắt là Ủy ban) và một số vấn đề đại biểu Quốc hội nêu như sau:

## **I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG**

### **1. Sự cần thiết đầu tư Chương trình**

Ủy ban Xã hội và các đại biểu Quốc hội tán thành với sự cần thiết xây dựng Chương trình nhằm tiếp tục phát huy những thành tựu, khắc phục tồn tại, hạn chế của CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, từng bước tăng tính bền vững của kết quả giảm nghèo, nâng cao đời sống của một bộ phận nhân dân; góp phần thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội đề ra trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 cũng như hiện

thực hóa các mục tiêu theo Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc vì sự phát triển bền vững, để “không ai bị bỏ lại phía sau”.

Các đại biểu Quốc hội đánh giá cao về ý nghĩa của CTMTQG, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với công tác giảm nghèo.

## **2. Về tên gọi của Chương trình**

Ủy ban Xã hội và các đại biểu Quốc hội thống nhất với tên của Chương trình là “*CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025*”.

## **3. Về đối tượng, địa bàn của Chương trình**

### **- Ý kiến của đại biểu Quốc hội:**

+ Nhiều ý kiến phát biểu nhất trí về phạm vi, đối tượng, địa bàn của Chương trình.

+ Cần mở thêm đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo trên phạm vi cả nước, đặc biệt là đối tượng mới nghèo do dịch COVID-19; ưu tiên về thủ tục, cách làm cho các đối tượng này (02 ý kiến). Đề nghị đưa nhóm đối tượng nghèo ở thành thị vào chương trình hoặc giao cho địa phương thực hiện hỗ trợ (04 ý kiến). Đề nghị đưa đối tượng nghèo tha hương, không sinh sống tại địa phương được hưởng chế độ (01 ý kiến).

+ Cần xác định đúng đối tượng (02 ý kiến). Nên phân loại đối tượng có khả năng thoát nghèo và đối tượng không có khả năng thoát nghèo để có chính sách hỗ trợ phù hợp (04 ý kiến). Những hộ không có khả năng thoát nghèo thì chuyển sang đối tượng bảo trợ xã hội (BTXH), thực hiện chế độ phúc lợi xã hội khác, như vậy mới đảm bảo giảm nghèo bền vững (10 ý kiến).

+ Phạm vi đầu tư là huyện nghèo, xã nghèo bãi ngang ven biển, cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn hẹp và không đúng (01 ý kiến). Địa bàn không dàn trải trong cả nước, tập trung vào những tỉnh còn nghèo, chưa thoát nghèo (02 ý kiến). Đề nghị địa bàn nên là huyện nghèo và xã đặc biệt khó khăn vì nếu Chương trình này là xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số thì sẽ bị bỏ sót địa bàn (01 ý kiến). Đề nghị bổ sung địa bàn là thôn nghèo (01 ý kiến). Đề nghị nghiên cứu bổ sung các xã an toàn khu (03 ý kiến).

### **Về vấn đề này, Chính phủ báo cáo Quốc hội như sau:**

Xuyên suốt CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 xác định rõ đối tượng thụ hưởng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên phạm vi toàn quốc, bao gồm cả đối tượng nghèo mới phát sinh vì các lý do khác nhau trong đó có cả nguyên nhân do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, đối tượng nghèo ở thành thị. Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình, Chính phủ chỉ đạo các địa phương phân loại đối tượng có khả năng thoát nghèo và đối tượng không có khả năng thoát nghèo để có chính sách hỗ trợ phù hợp; những hộ không có khả năng thoát nghèo thì chuyển sang đối tượng BTXH, thực hiện chế độ phúc lợi xã hội khác; rà soát, bảo đảm đối tượng nghèo được hỗ trợ kịp thời.

Chính phủ tiếp thu, chỉ đạo các cơ quan chủ trì 03 CTMTQG xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi theo hướng rà soát phạm vi, địa bàn đầu tư (các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu), bảo đảm đầu tư trọng tâm, trọng điểm, không bỏ sót địa bàn đặc biệt khó khăn.

#### **4. Về sự trùng lặp giữa CTMTQG giảm nghèo bền vững với CTMTQG xây dựng nông thôn mới và CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

- **Ý kiến thẩm tra:** Chương trình đã được Chính phủ đánh giá không có sự trùng lặp với hai CTMTQG xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi về mục tiêu, địa bàn đầu tư, đối tượng thụ hưởng, kết quả đầu tư và phạm vi triển khai. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, Ủy ban thấy rằng:

(1) 03 CTMTQG có một số dự án, tiểu dự án, nội dung tương đồng nhau<sup>1</sup>. Tuy không có sự trùng lặp về đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, song trùng lặp về các nội dung khác thực hiện tại cùng địa bàn nông thôn như: hỗ trợ đào tạo nghề, việc làm; hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, thực hiện các mô hình phát triển sản xuất... Việc trùng lặp này do chưa xác định, thống kê được chính xác đối tượng, địa bàn, chưa cụ thể hóa được nội dung hỗ trợ, đầu tư đến từng đối tượng và trách nhiệm của từng chương trình<sup>2</sup>.

(2) Để tránh sự trùng lặp, CTMTQG xây dựng nông thôn mới dự kiến sẽ không đầu tư tại khoảng 70 huyện nghèo và 200 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển thuộc địa bàn đầu tư của CTMTQG giảm nghèo bền vững đầu tư. Điều này cần phải được cân nhắc vì CTMTQG giảm nghèo bền vững không thể thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới khi mục tiêu của 02 chương trình khác nhau, các công trình hạ tầng thiết yếu được ưu tiên lựa

<sup>1</sup> - Đầu tư cơ sở hạ tầng: Dự án 1 của dự án 1 CTMTQG giảm nghèo bền vững, dự án 4 của CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nội dung 2 của CTMTQG xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển nông nghiệp: Tiểu dự án 1 của dự án 2 CTMTQG giảm nghèo bền vững, dự án 3 của CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nội dung 3 của CTMTQG xây dựng nông thôn mới.

- Sử dụng thông tin, dịch vụ viễn thông: Tiểu dự án 1 của dự án 5 CTMTQG giảm nghèo, nội dung 8 của CTMTQG xây dựng nông thôn mới.

- Truyền thông: Tiểu dự án 2 của dự án 5 CTMTQG giảm nghèo bền vững, dự án 10 của CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch: Dự án 6 của CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nội dung 6 của CTMTQG xây dựng nông thôn mới.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giám sát, đánh giá chương trình: Dự án 6 CTMTQG giảm nghèo bền vững, dự án 4 của CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và nội dung 11 của CTMTQG xây dựng nông thôn mới.

- Đào tạo nghề: Tiểu dự án 2 của dự án 4 CTMTQG giảm nghèo bền vững, dự án 5 của CTMTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nội dung 3, tiểu nội dung 9 của CTMTQG xây dựng nông thôn mới.

<sup>2</sup> Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 đã được xác định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên địa bàn thực hiện CTMTQ giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững (khoảng 200 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và khoảng 70 huyện nghèo) chưa được xác định cụ thể nên việc phân định địa bàn với CTMTQG xây dựng nông thôn mới còn chưa được giải quyết triệt để.

chọn đầu tư sẽ không hoàn toàn trùng khớp<sup>3</sup>. Việc loại trừ địa bàn như vậy dẫn tới các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, các xã thuộc huyện nghèo sẽ khó có thể đạt chuẩn nông thôn mới và mâu thuẫn với mục tiêu cụ thể của CTMTQG xây dựng nông thôn mới<sup>4</sup>. Trong điều kiện vốn bố trí cho các CTMTQG còn hạn hẹp, nếu tách bạch nội dung chương trình nào dùng vốn chương trình đó và một địa bàn chỉ đầu tư một CTMTQG sẽ dẫn đến một số nội dung đầu tư manh mún, nhỏ giọt không bảo đảm tính bền vững, kém hiệu quả, chậm đạt mục tiêu như đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất nông nghiệp.

Do đó, Ủy ban đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chủ trì 03 Chương trình phối hợp rà soát, phân tích, đánh giá, làm rõ các nội dung, hoạt động trùng lặp hoặc bỏ sót để đề xuất cơ chế lồng ghép chính sách, tích hợp nguồn lực giữa các Chương trình, bảo đảm hiệu quả nguồn lực đầu tư<sup>5</sup>.

#### **- Ý kiến của đại biểu Quốc hội:**

+ 03 Chương trình có sự trùng lặp về nội dung, đối tượng, phạm vi, đề nghị rà soát, phân định rõ ràng, tránh trùng lặp, bỏ sót (29 ý kiến). 03 CTMTQG có sự trùng lặp là không tránh khỏi (01 ý kiến). Đề nghị bổ sung đánh giá sơ bộ hiệu quả của các dự án trong Chương trình để tránh trùng lặp (03 ý kiến).

+ Nghiên cứu lồng ghép để tránh trùng lặp (04 ý kiến). Cần phải lồng ghép các mục tiêu, nội dung cho phù hợp và nên có cơ chế, nguyên tắc lồng ghép các nguồn vốn để vừa huy động được nhiều nguồn lực đầu tư, vừa tránh việc chồng chéo và thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện (12 ý kiến). Đề nghị xác định nguyên tắc là lồng ghép, hưởng nhiều Chương trình hay chỉ được hỗ trợ từ 01 Chương trình (01 ý kiến) hoặc phải tính toán phương án phân bổ như thế nào (02 ý kiến).

+ Chương trình nông thôn mới là hướng đến địa bàn nông thôn, không loại trừ địa bàn nào; còn Chương trình giảm nghèo là đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, không phải địa bàn, chỗ nào có người nghèo là có Chương trình; còn Chương trình dân tộc thiểu số là cho địa bàn vùng miền núi. 03 Chương trình này đối tượng khác nhau, trên một địa bàn có thể lồng ghép cả 03 vấn đề (01 ý kiến).

**Về vấn đề này, Chính phủ báo cáo Quốc hội như sau:** CTMTQG giảm nghèo hướng đến đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên phạm vi toàn quốc, chỗ nào có người nghèo là có chính sách hỗ trợ của Chương trình, do vậy cơ

<sup>3</sup> Chương trình giảm nghèo ưu tiên đầu tư hạ tầng thiết yếu phục vụ trực tiếp để giảm các chiều nghèo về thu nhập, việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin

<sup>4</sup> Theo số liệu của Văn phòng quốc gia về giảm nghèo, giai đoạn 2016-2020 đã có 125/292 xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn nông thôn mới và một trong các mục tiêu cụ thể của CTMTQG xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 là “phần đầu có ít nhất 60% số thôn, bản, ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo các tiêu chí nông thôn mới do cấp tỉnh quy định.”.

<sup>5</sup> Chỉ thị số 05-CT-TW: Ưu tiên nguồn lực thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững và CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng tích hợp với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện nghèo và các xã đặc biệt khó khăn.

Nghị quyết số 120/2020/QH14: Tổ chức tổng kết CTMTQG xây dựng nông thôn mới, CTMTQG giảm nghèo bền vững và 21 CTMT đang thực hiện, trên cơ sở đó xác định nội dung, đối tượng, địa bàn cụ thể triển khai thực hiện Chương trình, tránh trùng lặp, chồng chéo giữa các Chương trình.

bản sẽ không trùng lặp với 2 chương trình nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đối với Chương trình giảm nghèo bền vững và nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 về cơ bản được chạy song song và tương đối tách bạch. Riêng Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi về nguyên tắc là tách một phần từ CTMTQG giảm nghèo nên hướng đến xã, thôn đặc biệt khó khăn. Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Xã hội và một số đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ chỉ đạo các cơ quan chủ trì 03 CTMTQG đề xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí xác định cụ thể đối tượng, địa bàn, nội dung hỗ trợ, đầu tư; xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi theo hướng rà soát các nội dung trùng lặp, đề xuất cơ chế lồng ghép, tích hợp nguồn lực, bảo đảm hiệu quả nguồn lực đầu tư.

### **5. Về hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững của Chương trình**

- **Ý kiến thẩm tra:** Ủy ban cơ bản tán thành với đánh giá trong Tờ trình hiệu quả về kinh tế, về xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững của Chương trình. Tuy nhiên, Ủy ban thấy rằng, để giảm nghèo thực sự bền vững, đòi hỏi Chương trình trong giai đoạn 2021-2025 phải giảm tỷ lệ tái nghèo, tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) phát sinh. Điều đó đòi hỏi Chương trình cần có các giải pháp thoát nghèo bền vững, đủ sức chống chịu, vượt qua các thách thức của thiên tai, dịch bệnh như thông qua tạo việc làm cho người nghèo, đảm bảo mỗi hộ nghèo có ít nhất một việc làm bền vững, tạo điều kiện cho các hộ nghèo được tiếp cận với các chiều dịch vụ xã hội cơ bản thực sự bền vững; dự báo kết quả duy trì các mục tiêu, chỉ tiêu sau khi Chương trình kết thúc để có thể đánh giá tính bền vững của Chương trình<sup>6</sup>. Ngoài ra, Chương trình cần làm rõ nội dung gắn việc xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ các vùng ven biển, đảo và quần đảo một cách bền vững, góp phần bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh, trật tự khu vực biên giới biển.

#### **- Ý kiến của đại biểu Quốc hội:**

+ Đề nghị Chính phủ trong quá trình triển khai phải tính toán hiệu quả cụ thể của từng chương trình, tránh việc hết chương trình thì lại quay lại như ban đầu (01 ý kiến).

+ Tính bền vững của việc thực thi chính sách giảm nghèo còn rất hạn chế, khi hết chính sách, việc tái nghèo còn diễn ra. Đề nghị Chính phủ có các chính

<sup>6</sup> Công tác giảm nghèo đã được thực hiện qua 6 giai đoạn chính (1993-1997, 1998-2000, 2001-2005, 2006-2010, 2011-2015, 2016-2020) với quan điểm xuyên suốt coi giảm nghèo vừa là mục tiêu, vừa là yêu cầu và là động lực để phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo đảm an sinh và công bằng xã hội. Chính sách, pháp luật về giảm nghèo đã được xây dựng toàn diện, đa dạng theo nhiều hướng tiếp cận, nhằm giải quyết các nguyên nhân của nghèo đói, các nhu cầu thiết yếu của người nghèo, vùng nghèo bằng nhiều chính sách. Tình trạng nghèo đã chuyển từ diện rộng trong phạm vi cả nước sang tập trung ở một số vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, trong một số nhóm dân cư; chính sách giảm nghèo đã hướng đến nâng cao chất lượng giảm nghèo và chuyển sang mục tiêu giảm nghèo bền vững. Đến nay, chuẩn nghèo đã thay đổi 4 lần và tạo điều kiện nâng cao mức sống của hộ nghèo. Nước ta, đã hoàn thành Mục tiêu thiên niên kỷ về xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói vào năm 2002 (sớm hơn 13 năm so với mục tiêu và sớm hơn 8 năm so với kết quả chung của toàn cầu) và hiện nay là thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030, trong đó có mục tiêu chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi, đến năm 2030 cần giảm ít nhất một nửa tỷ lệ nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều của quốc gia, với chỉ tiêu là hàng năm giảm 1-1,5% tỷ lệ nghèo đa chiều.

sách thu hút doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn để tạo sinh kế cho người dân thì hiệu quả sẽ cao hơn (03 ý kiến).

+ Chương trình chưa làm rõ yếu tố bền vững, bền vững phải gắn với bảo tồn yếu tố tự nhiên, đề nghị bổ sung mục tiêu bảo toàn nguồn vốn tự nhiên theo Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh mà Thủ tướng Chính phủ đã ban hành (01 ý kiến).

+ Nghèo sẽ ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng, xây dựng chương trình cần tính đến hiệu quả quốc phòng an ninh, đặc biệt tại vùng lõi nghèo (01 ý kiến). Cần đặt yêu cầu cao hơn nữa trong công tác xóa đói, giảm nghèo, tình trạng nghèo ở địa bàn biên giới rất lớn và làm suy yếu công tác quốc phòng, an ninh trên các địa bàn này (01 ý kiến).

**Về vấn đề này, Chính phủ báo cáo Quốc hội như sau:** Sau khi Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư, Chính phủ sẽ chỉ đạo cơ quan chủ trì xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình theo hướng tập trung thúc đẩy đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo kỹ năng nghề, hỗ trợ việc làm và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản nhằm hỗ trợ người nghèo nâng cao năng lực, chủ động ứng phó với các thách thức của thiên tai, dịch bệnh, thoát nghèo bền vững, không tái nghèo; phát triển các mô hình giảm nghèo gắn với bảo tồn yếu tố tự nhiên, văn hóa, phát triển kinh tế, giữ vững an ninh, quốc phòng, nhất là khu vực biên giới, hải đảo.

## **6. Về cơ chế quản lý, điều hành Chương trình**

### **- Ý kiến của đại biểu Quốc hội:**

+ Đa số ý kiến phát biểu đồng tình thống nhất 01 Ban chỉ đạo chung cho cả 03 CTMTQG để tập trung nguồn lực, phối hợp, kết nối hiệu quả và tránh chồng chéo, trùng lặp.

+ Ban chỉ đạo CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã được Chính phủ thành lập và đi vào hoạt động, do đó cần lưu ý mối quan hệ phối hợp (01 ý kiến).

+ Đề nghị có quy chế phối hợp giữa 3 cơ quan chủ trì chương trình và Chính phủ cần chỉ đạo nhất quán, hài hòa, hiệu quả, tránh lãng phí và có sự giám sát, đánh giá hiệu quả của chương trình (03 ý kiến). Tổ chức bộ máy chuyên biệt, thống nhất, đồng bộ cho các CTMTQG trên toàn quốc để đạt hiệu quả (01 ý kiến).

+ Cần ban hành cơ chế chính sách chung cho điều hành quản lý, thực hiện 03 chương trình, một số chương trình riêng có cơ chế đặc thù riêng, có cả chỉ tiêu chung và riêng; đầu tư ngân sách thoả đáng cho công tác truyền thông, đánh giá, giám sát kể cả đánh giá độc lập (01 ý kiến).

+ Chính phủ cần có những hướng dẫn phù hợp (01 ý kiến).

**Về vấn đề này, Chính phủ tiếp thu theo hướng** thành lập Ban Chỉ đạo chung cho các CTMTQG trên toàn quốc; ban hành cơ chế điều hành quản lý, thực hiện chung của 03 chương trình. Đồng thời mỗi Chương trình sẽ quy định những nội dung, phương thức quản lý riêng phù hợp mục tiêu, nội dung Chương trình nhằm đem lại hiệu quả.

## II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ

### 1. Về mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình

- **Ý kiến thẩm tra:** Ủy ban nhận thấy: (1) Chương trình đề ra mục tiêu tổng quát, 8 mục tiêu cụ thể (trong đó có 7/8 mục tiêu cụ thể chưa định lượng được), 16 chỉ tiêu (10 chỉ tiêu chủ yếu, 6 chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt) nhưng các chỉ tiêu đặt ra chưa đo lường được hết các mục tiêu cụ thể, mục tiêu tổng quát. (2) Một số chỉ tiêu chủ yếu và chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản có sự trùng lặp. (3) Các mục tiêu và các chỉ tiêu của Chương trình chưa thể hiện được tỷ lệ/số liệu phân tách giới để đảm bảo lồng ghép giới trong Chương trình cũng như kết quả thực hiện Chương trình bảo đảm bình đẳng giới. Mặc dù một số dự án đã có cơ chế lồng ghép giới nhưng đây mới chỉ là yếu tố đầu vào, chưa có dự kiến kết quả đầu ra của Chương trình.

Hiện nay chưa có số liệu cụ thể về tình trạng nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 nên khó có thể xác định chính xác mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể. Do đó, Ủy ban đề nghị sau khi Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Chính phủ trước khi quyết định Chương trình cần khẩn trương tổ chức tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo làm cơ sở để xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu, đồng thời tiếp tục rà soát, điều chỉnh lại các chỉ tiêu, mục tiêu của Chương trình theo hướng: (1) Các mục tiêu cụ thể cần định lượng được kết quả thực hiện, đồng thời bổ sung các chỉ tiêu để đo lường được hết các mục tiêu cụ thể; đảm bảo không có sự trùng lặp giữa các chỉ tiêu chủ yếu và chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản. (2) Bảo đảm tính khả thi của các chỉ tiêu đề ra, trong đó cần chú ý tính khả thi của chỉ tiêu “Phấn đấu giảm 1/2 số hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo tiêu chí nghèo đa chiều của quốc gia”<sup>7</sup>. (3) Các mục tiêu, chỉ tiêu cần có tỷ lệ/số liệu phân tách giới để có cơ sở đánh giá kết quả việc lồng ghép giới trong Chương trình.

#### - Ý kiến của đại biểu Quốc hội:

+ Theo Chỉ thị 05 của Ban bí thư, công tác giảm nghèo bền vững đến 2030 nhưng Chính phủ mới cụ thể hóa thành Chương trình đến năm 2025, vậy có cần bổ sung chỉ tiêu liên quan định hướng đến 2030 hay không (01 ý kiến).

+ Nhất trí với các mục tiêu, chỉ tiêu (02 ý kiến). Thống nhất mục tiêu giảm tỷ lệ nghèo đa chiều 1-1,5%/năm và giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (01 ý kiến). Ngoài việc giảm nghèo về thu nhập, cần tập trung giải quyết chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản để đảm bảo hàng năm giảm từ 1-1,5% tỷ lệ nghèo đa chiều, cần tính toán số hộ nghèo, giảm toàn diện cả số khẩu của số hộ. (01 ý kiến).

+ Đề nghị có mục tiêu bình đẳng giới xuyên suốt trong cả Chương trình (01 ý kiến). Đề nghị bổ sung mục tiêu hỗ trợ đào tạo cho con em hộ nghèo, bảo đảm y

<sup>7</sup> Giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh từ 9,88% năm 2015 xuống còn 2,75% năm 2020 nhưng tỷ lệ hộ cận nghèo chỉ giảm từ 5,2% năm 2015 xuống còn 3,71% năm 2020, thực tế có số hộ thoát nghèo chuyển sang hộ cận nghèo nên việc giảm tỷ lệ hộ cận nghèo khó có thể giảm nhanh như giảm hộ nghèo.

tế cho hộ nghèo để bảo đảm thoát nghèo bền vững (01 ý kiến). Phải đưa ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 vào chỉ tiêu đánh giá cho toàn bộ giai đoạn 2021-2025 (01 ý kiến). Đánh giá chi tiết cụ thể số liệu về các hộ nghèo trong bối cảnh dịch bệnh để đưa ra các chỉ tiêu cụ thể hơn (01 ý kiến).

+ 7/8 mục tiêu chưa định lượng được, các chỉ tiêu không thể hiện hết việc đo lường kết quả thực hiện các mục tiêu, một số chỉ tiêu trùng lặp (01 ý kiến). Các chỉ tiêu giảm nghèo mà cao thì chỉ tiêu nông thôn mới sẽ khó vì không đáp ứng tiêu chí nông thôn mới (01 ý kiến).

+ Bản khoản mục tiêu tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS vì ở Bình Định tỷ lệ đồng bào DTTS thấp nhưng tỷ lệ hộ nghèo cao nên phải rất quyết tâm và có nguồn lực mới thực hiện được (01 ý kiến)

+ Đối với chỉ tiêu phấn đấu giảm 1/2 số hộ nghèo, hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo tiêu chí nghèo đa chiều của quốc gia vào 2025 thì có tính đến các hộ tái nghèo không (01 ý kiến), đề nghị cần nghiên cứu bổ sung mục tiêu phụ đối với các tỉnh nghèo có thể khó đạt được chỉ tiêu này (01 ý kiến).

+ Chỉ tiêu phấn đấu 50% số huyện nghèo, 50% số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn là chỉ tiêu rất cao, đặc biệt vùng đồng bào dân tộc thiểu số là lõi nghèo, cần đưa ra chỉ tiêu cho phù hợp (02 ý kiến).

+ Về chỉ tiêu việc làm, cần đặt ra chỉ tiêu có bao nhiêu phần trăm hộ nghèo được tạo việc làm và có mức thu nhập trung bình (01 ý kiến). Chỉ tiêu phấn đấu hỗ trợ hộ cận nghèo, hộ nghèo có việc làm bền vững, nếu trong gia đình có người tật nguyền thì có được hỗ trợ việc làm bền vững không (01 ý kiến).

+ Đề nghị nâng chỉ tiêu số lao động được hỗ trợ, kết nối việc làm, do số người mất việc làm, không có việc làm, nhất là ở hộ nghèo, cận nghèo tới đây sẽ tăng (01 ý kiến).

+ Chỉ tiêu tỷ lệ trẻ em hộ nghèo, cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 90% là rất khó, hiện chỉ có vùng đồng bằng sông Hồng đạt được, đặt chỉ tiêu như vậy có chính sách gì cho con em hộ nghèo đến trường để đạt chỉ tiêu này không (01 ý kiến).

+ Về tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em thấp còi xuống dưới 28% là cao, rất khó thực hiện (01 ý kiến), có thể giảm xuống còn 15-20% (01 ý kiến). Việc giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng vùng núi còn khó khăn (01 ý kiến).

+ Chỉ tiêu về nước sạch và vệ sinh đặt ra mà không có các dự án, các giải pháp để thực hiện, nếu lồng ghép thực hiện trong Chương trình khác thì cũng nên đề cập trong báo cáo (01 ý kiến). Cần đánh giá các chương trình khác đã giải quyết vấn đề nước sạch chưa, phải làm rõ tiêu chí này trong thực tế; đề nghị phải là tiêu chí nước sạch chứ không phải nước hợp vệ sinh (01 ý kiến).

+ Cả 02 chương trình giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số cần gắn với thu nhập bình quân, phải tăng lên 1,8 lần (01 ý kiến). Các chỉ tiêu cụ thể cần nghiên cứu xác định cho đúng đối tượng, ghi rõ từng đối tượng (01 ý kiến). Đề nghị rà soát lại một số mục tiêu, chỉ



nên đặt mục tiêu cho giai đoạn 2021-2025 để phù hợp với nguồn lực (01 ý kiến). Việc khắc phục chỉ tiêu để đo lường các kết quả đầu ra chưa triệt để (01 ý kiến).

**Về vấn đề này, Chính phủ tiếp thu,** chỉ đạo các địa phương khẩn trương tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên phạm vi toàn quốc theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025; trên cơ sở đó, cơ quan chủ CTMTQG hoàn thiện các mục tiêu cụ thể (định lượng được kết quả thực hiện), các chỉ tiêu đo lường được các mục tiêu cụ thể; không có sự trùng lặp giữa các chỉ tiêu chủ yếu và chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản; có tỷ lệ/số liệu phân tách giới trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 cùng với hệ thống chính sách thường xuyên góp phần giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản như trẻ em hộ nghèo, cận nghèo đi học đúng độ tuổi, cải thiện dinh dưỡng cho trẻ em thấp còi, hỗ trợ việc làm...

## **2. Về các dự án thành phần của Chương trình**

### **- Ý kiến của đại biểu Quốc hội:**

+ Đồng ý với 6 dự án và 11 tiểu dự án (01 ý kiến). Nội dung, quy mô của dự án và các tiểu dự án cần có sự đánh giá, có tính khả thi nhất để các đối tượng nghèo được thụ hưởng (01 ý kiến). Chính phủ cần xác định rõ ai hỗ trợ, hỗ trợ ai, hỗ trợ như thế nào, khi nào thì ngừng hỗ trợ (01 ý kiến).

+ Dự án sinh kế nên chuyển lên đầu sau đó mới đến các dự án hạ tầng (01 ý kiến). Những nhiệm vụ liên quan đến đa dạng hóa sinh kế, hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển việc làm có sự liên kết chặt chẽ với nhau, không thể tách rời, đề nghị cần quan tâm hơn tới những nội dung này (01 ý kiến).

+ Việc hỗ trợ đào tạo nghề, kết nối việc làm, giới thiệu việc làm, hỗ trợ xuất khẩu lao động phải trên cơ sở phân loại hộ nghèo và dành cho hộ nghèo còn khả năng lao động (01 ý kiến).

+ Cần đầu tư cho vấn đề giáo dục đào tạo (01 ý kiến), đầu tư cho con người để giảm nghèo bền vững (01 ý kiến). Đề nghị phải đầu tư nâng cao năng lực cán bộ làm công tác giảm nghèo để đề ra kế hoạch giảm nghèo sát thực tế (01 ý kiến). Đề nghị xây dựng các dự án riêng cho phụ nữ để tăng cường bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (01 ý kiến). Đề nghị nghiên cứu có chính sách động viên cho vùng biên giới để đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, vững chắc về mặt quốc phòng (01 ý kiến). Đề nghị có chính sách ưu tiên, cử tuyển cho con em vùng dân tộc thiểu số, dù hiện nay cũng đã có nhưng cần có chính sách đặc thù hơn nữa để khuyến khích con em vùng dân tộc thiểu số sau khi đào tạo trở về phục vụ cho địa phương (01 ý kiến). Cần tập trung dự án di cư để xóa nghèo (01 ý kiến).

+ Đề nghị Ngân hàng chính sách xã hội tăng mức vốn vay tính trên dự án khả thi (02 ý kiến).

**Về vấn đề này, Chính phủ báo cáo Quốc hội như sau:** Sau khi Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư, Chính phủ và các Bộ ban hành các văn bản quy định và giao nhiệm vụ cụ thể cho Ủy ban nhân dân và người đứng đầu địa phương triển khai đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện thụ hưởng; quy trình, thủ tục hỗ trợ; phương thức, nội dung và định mức hỗ trợ, các dự án giảm nghèo thực hiện công khai, minh bạch, đúng đối tượng, mục tiêu và quy định của pháp luật. Các dự án giảm nghèo tập trung đầu tư vào con người, nâng cao năng lực người nghèo để giảm nghèo bền vững, chú trọng phát triển các dự án riêng cho phụ nữ, người dân tộc thiểu số; ưu tiên hỗ trợ địa bàn đặc biệt khó khăn vùng biên giới nhằm bảo đảm an ninh, quốc phòng. Đối với các nội dung thuộc chính sách thường xuyên như chính sách ưu tiên, cử tuyển cho con em vùng dân tộc thiểu số, Chính phủ tiếp thu, chỉ đạo các cơ quan chức năng tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện.

**a) Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo**

- **Ý kiến thẩm tra:** Ủy ban nhận thấy, Dự án này trong giai đoạn 2016-2020<sup>8</sup> được đánh giá là đã phát huy hiệu quả, giúp thay đổi diện mạo nông thôn các xã vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo một cách rõ rệt. Tuy nhiên, mức hỗ trợ đầu tư cho các huyện, xã này còn thấp, dàn trải (45 tỷ/huyện/năm; 1,213 tỷ/xã/năm) nên các công trình thường có quy mô nhỏ, thiết kế chưa đạt chuẩn kỹ thuật, dễ hư hỏng, xuống cấp. Do đó, Ủy ban đề nghị Chính phủ tính toán mức hỗ trợ đầu tư hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm để giúp thay đổi cơ bản điều kiện hạ tầng ở các huyện, xã đặc biệt khó khăn, góp phần sớm đưa các huyện, xã này thoát nghèo; tăng cường thực hiện chính sách việc làm công tại địa bàn cấp xã theo quy định của Luật Việc làm<sup>9</sup> để huy động tối đa nhân công là người địa phương tham gia vào các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng.

<sup>8</sup> Giai đoạn 2016-2020, Chương trình đã hỗ trợ các địa phương xây dựng và đưa vào sử dụng 1.200 công trình hạ tầng thiết yếu, hơn 1.164 công trình được duy tu bảo dưỡng.

<sup>9</sup> **Điều 18. Nội dung chính sách việc làm công**

1. Chính sách việc làm công được thực hiện thông qua các dự án hoạt động sử dụng vốn nhà nước gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp xã, bao gồm:

- a) Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp;
- b) Xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng;
- c) Bảo vệ môi trường;
- d) Ứng phó với biến đổi khí hậu;
- đ) Các dự án, hoạt động khác phục vụ cộng đồng tại địa phương.

2. Các dự án, hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này khi thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trong hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu phải quy định nhà thầu tham dự thầu đề xuất phương án sử dụng lao động thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc tổ chức thực hiện chính sách việc làm công.

**Điều 19. Đối tượng tham gia**

1. Người lao động được tham gia chính sách việc làm công khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án, hoạt động;
- b) Tự nguyện tham gia chính sách việc làm công.

2. Người lao động quy định tại khoản 1 Điều này là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; người chưa có việc làm hoặc thiếu việc làm được ưu tiên tham gia chính sách việc làm công.

**- Ý kiến của đại biểu Quốc hội:**

+ Nội dung dự án này cần phải rõ, cụ thể hơn nữa. Cần phải có sự liên kết với các chương trình khác để thúc đẩy phát triển, đặc biệt là cơ sở hạ tầng (01 ý kiến). Cần tập trung, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng vì sẽ thúc đẩy được phát triển kinh tế - xã hội, giao thương buôn bán, làm ăn, đi lại của người dân (02 ý kiến). Đề nghị tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông (03 ý kiến), đồng thời phải đánh giá đầy đủ việc đầu tư các công trình có chất lượng, bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí, bảo đảm đúng đối tượng được thụ hưởng (01 ý kiến). Đầu tư hạ tầng giao thông cần nguồn lực lớn, vượt quá khả năng của địa phương, một số chính sách chưa bố trí nguồn lực triển khai (01 ý kiến).

+ Cần tăng nguồn lực và tập trung hơn đối với các tỉnh miền núi có khó khăn về hạ tầng điện, đường (01 ý kiến). Đối với khu vực vùng sâu, vùng xa mới chỉ tập trung xây dựng điện, đường, trường, trạm, chưa tập trung xây nhà máy, xí nghiệp, chế biến nông lâm thủy sản để tiêu thụ nông sản cho nông dân. Việc đầu tư đối với vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới còn khó khăn nên không thu hút được khu vực tư nhân, muốn phát triển cần phải có sự đầu tư vào các lĩnh vực này (01 ý kiến).

Về vấn đề này, Chính phủ tiếp thu, chỉ đạo xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách theo hướng tính toán mức hỗ trợ đầu tư hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm; tăng cường thực hiện chính sách việc làm công tại địa bàn cấp xã theo quy định của Luật Việc làm.

Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong quá trình triển khai thực hiện 03 CTMTQG và các chương trình, dự án liên quan. Trong đó, ưu tiên đầu tư hiệu quả cơ sở hạ tầng điện, giao thông, trường, trạm, bảo đảm đúng đối tượng, hiệu quả, chất lượng, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

**b) Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

- Ý kiến thẩm tra: Các dự án hỗ trợ sinh kế đã làm thay đổi nhận thức, tập quán, kỹ thuật sản xuất, giúp các hộ phát triển sản xuất, từ đó tăng thu nhập<sup>10</sup>, song Chính phủ cũng đã chỉ ra 18 tồn tại, hạn chế của Dự án trong giai đoạn 2016-2020<sup>11</sup>. Ủy ban đề nghị: (1) Trong quá trình xây dựng báo cáo khả

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng người lao động quy định tại khoản 1 Điều này khi thực hiện dự án, hoạt động không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này

<sup>10</sup> Giai đoạn 2016-2020, Chương trình đã thực hiện 1.099 dự án với 6.213 hộ tham gia tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển.

<sup>11</sup> Phụ lục III. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện CTMTQG và các CTMT giai đoạn 2016-2020 (Phụ lục kèm theo Báo cáo số 145/BC-CP ngày 21/5/2021 của Chính phủ): Mức phân bổ vốn sự nghiệp hỗ trợ phát triển sinh kế tại các xã đặc biệt khó khăn còn thấp (bình quân 300 triệu đồng/xã/năm). Mức hỗ trợ hộ gia đình nghèo cao nhất chỉ là 15 triệu đồng/hộ và thấp nhất chỉ có 5 triệu đồng/hộ. Chưa quy định cơ chế trao quyền cho người dân, nhóm hộ, cộng đồng thực hiện dự án như thế nào. Quy định về thủ tục thực hiện mô hình sinh kế theo cơ chế tạo việc làm công còn phức tạp, thực tế các địa phương chưa triển khai được. Nguồn vốn sự nghiệp thấp, không ổn định, phải thanh quyết toán hàng năm trước 31/12 nên các địa phương không thực hiện

thi thực hiện Dự án, Chính phủ cần nghiên cứu để khắc phục tồn tại 18 tồn tại, hạn chế đã nêu của giai đoạn trước. (2) Ưu tiên áp dụng những mô hình đã được đánh giá, tổng kết có hiệu quả, cần nhân rộng để thực hiện. (3) Bổ sung giải pháp thích ứng với các tác động thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm, nhất là đại dịch COVID-19.

**- Ý kiến của đại biểu Quốc hội:**

+ Về sinh kế, đa số sản phẩm người nghèo làm ra là sản phẩm nông nghiệp nên đầu ra khó khăn, cần sự phối hợp các ngành, đặc biệt giữa ngành lao động - thương binh và xã hội với ngành nông nghiệp và công thương (01 ý kiến).

+ Địa phương vùng cao địa hình chia cắt, đồi núi nên tạo sinh kế khó khăn, do đó nên đưa về khu tái định cư để tăng cường điện, đường, trường, trạm (01 ý kiến).

+ Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số cần nâng cao tính cộng đồng, tổ hợp tác để phát triển (01 ý kiến).

+ Cần tập trung phân lớn nguồn lực cho dự án sinh kế, khi được đào tạo nghề, chuyển dịch lao động người ta tự thoát nghèo (03 ý kiến). Nâng mức vốn đủ mạnh để chi cho phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế (01 ý kiến).

+ Cần có giải pháp về chuyển đổi nghề, là giải pháp quan trọng (01 ý kiến).

+ Cần phải phân tích sâu hơn nội hàm bên trong 1.000 mô hình giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vì như thế hơi nhỏ, nguồn vốn đầu tư thấp (01 ý kiến).

+ Nên lồng ghép các mô hình, cần có chính sách áp dụng, nhân rộng mô hình hay (03 ý kiến). Chú trọng mô hình tạo sinh kế, tăng thu nhập cho hộ nghèo (02 ý kiến).

**Về vấn đề này, Chính phủ tiếp thu, chỉ đạo xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình theo hướng bổ sung, làm rõ các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế của giai đoạn trước, ưu tiên áp dụng những mô hình đã được đánh giá, tổng kết có hiệu quả, cần nhân rộng, thích ứng với các tác động thiên tai, đại dịch COVID-19.**

Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình, Chính phủ chỉ đạo các địa phương tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn kết sản xuất với thị trường; thúc đẩy các dự án giảm nghèo mang tính cộng đồng (hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ hợp tác, tổ tự quản) mang lại thu nhập ổn định tốt hơn cho hộ nghèo, tạo động lực để người nghèo tự vươn lên thoát nghèo; chú trọng giáo dục nghề nghiệp gắn với thị trường, chuyển đổi nghề, chuyển dịch lao động. Rà soát, làm rõ nội hàm, gia tăng số lượng mô hình; bố trí bổ sung nguồn vốn hợp lý cho mô hình giảm nghèo tạo sinh kế, việc làm bền vững.

**c) Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

- **Ý kiến thẩm tra:** Ủy ban thấy rằng, một mặt, tiêu dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (tiêu dự án 1) có những nội dung hỗ trợ trùng lặp với nội dung dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Dự án 2) như đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật... và mục tiêu của việc đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ phát triển sản xuất cũng đều hướng tới cải thiện, tăng thu nhập cho hộ nghèo. Mặt khác, chưa thể hiện được sự liên kết giữa các tiêu dự án khi ghép hỗ trợ sản xuất và cải thiện dinh dưỡng (tiêu dự án 2) trong một dự án.

Do đó, Ủy ban đề nghị Chính phủ: (1) Cần thể hiện được sự liên kết hai tiêu dự án thành phần của Dự án; (2) Nghiên cứu chuyển tiêu dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp về Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Dự án 2) để hợp thành dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, trong đó phân định rõ các nội dung liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp thực hiện; các nội dung liên quan đến lĩnh vực phi nông nghiệp giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp thực hiện. (3) Xem xét đưa tiêu dự án Cải thiện dinh dưỡng thành một dự án riêng.

**- Ý kiến của đại biểu Quốc hội:**

+ Cần phải có chiến lược khai thác các tiềm năng thế mạnh tại các vùng nghèo để tập trung đầu tư, sản xuất, thu hút doanh nghiệp đầu tư để hợp tác cùng có lợi nhằm giảm nghèo bền vững (03 ý kiến). Đề nghị cần có quy hoạch cụm dân cư để quy hoạch sản xuất, tạo thành liên kết vùng để phát triển sản xuất, kinh tế ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới (01 ý kiến). Xây dựng cơ chế liên xã, liên vùng hỗ trợ trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (01 ý kiến).

+ Cần phải quyết tâm giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng như bổ sung kiến thức cho người mẹ (01 ý kiến). Việc cải thiện dinh dưỡng không chỉ cần thiết đối với trẻ em mà cả đối với phụ nữ và các thành viên khác trong gia đình, giúp nâng cao thể chất cho các thành viên trong gia đình (01 ý kiến). Cần bổ sung nhóm giải pháp về nâng cao thể trạng và tâm vóc của người lao động, đặc biệt vùng nghèo (01 ý kiến).

+ Các dự án 2 và 3 có sự trùng lặp về nội dung. Việc hỗ trợ sản xuất phải đưa lên dự án 2 và dự án 3 là cải thiện dinh dưỡng đưa thành 01 dự án riêng (03 ý kiến).

**Về vấn đề này, Chính phủ tiếp thu,** chỉ đạo xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi theo hướng nghiên cứu chuyển tiêu dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp vào dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; tách tiêu dự án Cải thiện dinh dưỡng thành một dự án riêng. Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo được thiết kế nhằm xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo (mô hình hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ hợp tác, tổ tự quản) tạo việc làm, tạo sinh kế bền vững cho người nghèo (người có kinh nghiệm, làm kinh tế giỏi tham gia điều hành, dẫn dắt thực hiện mô hình hiệu quả); hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng được thiết

kế nhằm phát triển nông nghiệp (nông, lâm, ngư, diêm nghiệp) đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm để cải thiện, đáp ứng đủ dinh dưỡng hợp lý cho hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa.

***d) Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở***

- **Ý kiến thẩm tra:** Dự án phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp bao gồm 05 tiểu dự án<sup>12</sup>, trong đó có 04 tiểu dự án là sự tiếp nối một số dự án, tiểu dự án của CTMT giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động giai đoạn 2016-2020 và CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020<sup>13</sup>.

Ủy ban thấy rằng: (1) Tiểu dự án Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (tiểu dự án 1) có một số nội dung thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được quy định tại khoản 2 Điều 71 của Luật Giáo dục nghề nghiệp<sup>14</sup> và văn bản hướng dẫn thi hành<sup>15</sup>. (2) Tiểu dự án Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; vùng nghèo, vùng khó khăn (tiểu dự án 2) có nội dung hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, là nội dung thuộc chính sách thường xuyên được quy định tại Điều 16 của Luật Việc làm và văn bản liên quan<sup>16</sup>. (3) Tiểu dự án Hỗ trợ người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài (tiểu dự án 3) có các nội dung hỗ trợ trùng với quy định tại khoản 2 Điều 20

<sup>12</sup>Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn; Tiểu dự án 2. Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; vùng nghèo, vùng khó khăn. Tiểu dự án 3. Hỗ trợ người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài. Tiểu dự án 4. Hỗ trợ việc làm bền vững. Tiểu dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo.

<sup>13</sup> Các tiểu dự án Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (tiểu dự án 1), Hỗ trợ việc làm bền vững (tiểu dự án 4) là sự tiếp nối các dự án đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp (dự án 1), phát triển thị trường lao động và việc làm (dự án 2) của CTMT giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động giai đoạn 2016-2020. Tiểu dự án hỗ trợ người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài (tiểu dự án 3) là sự tiếp nối tiểu dự án hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài của CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (tiểu dự án 4 thuộc dự án 1, Chương trình 30a).

<sup>14</sup> Khoản 2 Điều 71 Luật Giáo dục nghề nghiệp: 2. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: .....

c) Quy định mục tiêu, nội dung và phương pháp đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo; danh mục nghề đào tạo ở các trình độ; tiêu chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo; ban hành quy chế tuyển sinh, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng, chứng chỉ đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp;

d) Quy định việc đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

đ) Quản lý và tổ chức thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

e) Thực hiện công tác thống kê, thông tin về tổ chức và hoạt động đào tạo nghề nghiệp;

g) Tổ chức bộ máy quản lý giáo dục nghề nghiệp;

h) Quản lý và tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, người dạy các chương trình đào tạo thường xuyên;

<sup>15</sup> Nghị định 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019.

<sup>16</sup> Điều 16 Luật Việc làm quy định hỗ trợ học nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn: “Người lao động ở khu vực nông thôn học nghề dưới 03 tháng hoặc học nghề trình độ sơ cấp ở cơ sở đào tạo nghề được hỗ trợ chi phí học nghề theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.”. Các điều 4, 5, 6 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng.

của Luật Việc làm<sup>17</sup>. (4) Tiểu dự án Hỗ trợ việc làm bền vững có các nội dung hỗ trợ đã được quy định tại Luật Việc làm (các điều 37, 38 và 39 quy định về trung tâm dịch vụ việc làm (cụ thể hóa tại Nghị định số 23/2021/NĐ-CP), trách nhiệm quản lý nhà nước về thông tin thị trường lao động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tại khoản 1 các điều 25 và 27).

Ủy ban đề nghị: (1) Rà soát, loại bỏ những nội dung thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực trong Dự án và các chính sách hỗ trợ theo quy định trong Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Việc làm (thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên); làm rõ việc cân phải có nguồn lực hỗ trợ của Chương trình bên cạnh những nguồn chi thường xuyên hàng năm đã được quy định. (2) Làm rõ khái niệm “vùng nghèo, vùng khó khăn” trong các tiểu dự án 1 và 2 vì hiện mới có tiêu chí huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; tổng nhu cầu vốn cho 02 tiểu dự án này cũng khá lớn (18.800 tỷ đồng, tương đương 25% tổng vốn của Chương trình) và các tiểu dự án này cũng dành cho các đối tượng người lao động không nghèo ở vùng nghèo, vùng khó khăn<sup>18</sup>; bổ sung cơ chế thực hiện cho 02 tiểu dự án này, đặc biệt là các quy định về hỗ trợ có điều kiện. (4) Tách tiểu dự án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (tiểu dự án 5) thành một dự án; Bộ Xây dựng là cơ quan chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành thực hiện; bổ sung yêu cầu về nhà ở phải bảo đảm bảo chống chọi được thiên tai và nghiên cứu quy định thứ tự ưu tiên hỗ trợ, trong đó ưu tiên hộ người cao tuổi nghèo độc thân không nơi nương tựa sống ở cộng đồng tham gia Dự án.

#### **- Ý kiến của đại biểu Quốc hội:**

+ Đầu tư cho các cơ sở dạy nghề vùng khó khăn là ý tốt nhưng khá tốn kém, trong khi cơ sở dạy nghề đã có rồi thì nên hỗ trợ trực tiếp cho người học (02 ý kiến). Cần phải mở rộng đào tạo nghề ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới mới có thể thoát nghèo (01 ý kiến).

+ Cần phải đặc biệt quan tâm đến vấn đề đào tạo nghề (02 ý kiến); tập trung hỗ trợ đào tạo, dạy nghề với mục tiêu là tỷ lệ lao động đã qua đào tạo là 70%, từ đó đưa ra chỉ tiêu bao nhiêu đối tượng được hỗ trợ đào tạo từ Chương trình (01 ý kiến). Đề nghị cần lưu ý đến chất lượng tay nghề của người được đào tạo để bảo đảm hiệu quả, có chương trình đào tạo dài hạn. Việc đào tạo nghề thời gian qua chủ yếu mang tính ngắn hạn, chưa thực chất, chưa bảo đảm hiệu quả (01 ý kiến). Vấn đề đào tạo nghề phải phù hợp với đối tượng và gắn kết với nhu cầu của thị

<sup>17</sup> Khoản 2 Điều 20 Luật Việc làm: 2. Người lao động là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; thân nhân của người có công với cách mạng có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được Nhà nước hỗ trợ:

a) Học nghề, ngoại ngữ; hiểu biết phong tục tập quán, pháp luật của Việt Nam và nước tiếp nhận lao động;  
b) Đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để đáp ứng yêu cầu của nước tiếp nhận lao động;  
c) Vay vốn với lãi suất ưu đãi.

<sup>18</sup> Chương trình đặt ra các chỉ tiêu “tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ là 25%” là bao gồm người lao động không nghèo ở vùng nghèo, vùng khó khăn cũng được đào tạo.

trường (03 ý kiến), các giải pháp dạy nghề, việc làm phải đồng bộ, đặc biệt là ở nông thôn để phục vụ lại địa phương (02 ý kiến). Quan tâm đến việc làm bền vững, chương trình đào tạo nghề, khởi nghiệp sáng tạo (01 ý kiến); nên tập trung cho hướng nghiệp (01 ý kiến).

+ Giải pháp bền vững giảm nghèo là hỗ trợ vốn và tạo công ăn việc làm, dạy nghề cho các hộ nghèo, tạo điều kiện cho việc học tập con em hộ nghèo (01 ý kiến).

+ Đề nghị thực hiện hỗ trợ đào tạo cho đối tượng thuộc Chương trình gồm hỗ trợ tài chính trực tiếp cho người được đào tạo, hỗ trợ cho người đào tạo, hỗ trợ cho người ở vùng sâu, vùng xa tiếp cận với công nghệ thông tin (01 ý kiến). Đề nghị có điều tra, khảo sát để xác định nhu cầu, từ đó có chương trình đào tạo thích hợp, bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí (01 ý kiến).

+ Tạo điều kiện để hộ nghèo xuất khẩu lao động giúp xóa đói giảm nghèo rất hiệu quả nhưng những hệ lụy xã hội về ly hôn, an ninh trật tự, tệ nạn xã hội cũng rất lớn, do đó thiết kế các tiểu dự án cần quan tâm mặt tích cực và tiêu cực (01 ý kiến). Cần phải thay đổi cách thức hỗ trợ về việc làm, phải tạo công ăn việc làm tại chỗ thông qua việc phát triển cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp ở vùng miền núi, vùng nông thôn (01 ý kiến). Cần phải đi trước đón đầu, không chỉ dừng lại câu chuyện đưa người lao động đi mà phải quan tâm đến việc phải có ngoại ngữ, kỹ năng nghề và bảo đảm các tiêu chuẩn quốc tế (01 ý kiến). Đề nghị bổ sung thêm các đối tượng thuộc các xã đặc biệt khó khăn theo chương trình 135, các xã đảo (01 ý kiến).

+ Cần có gói hỗ trợ cho doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa để tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận việc làm (01 ý kiến).

+ Các tiểu dự án từ 1 đến 4 đều là dạy nghề, giáo dục nghề nghiệp cho người nghèo. 04 tiểu dự án với tên gọi và mục đích cũng gần giống nhau nên chia thành các tiểu dự án là rất vụn, đề nghị rà soát lại, tránh trùng lặp (01 ý kiến).

+ Cần quan tâm đến dự án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, các mục tiêu, chỉ tiêu cần cụ thể (01 ý kiến). Tăng mức vay vốn về hỗ trợ nhà ở lên 50 triệu đồng (02 ý kiến). Đề nghị quan tâm thêm nhà ở cho công nhân nhập cư (01 ý kiến). Đồng tình với việc tách riêng dự án về nhà ở và cần quan tâm nhiều hơn đến câu chuyện đất sạch, đất ở, đất được cấp phép xây dựng. Có nơi có tiền để xây nhà nhưng đất không sạch, không thể xây được (01 ý kiến).

**Về vấn đề này, Chính phủ tiếp thu**, chỉ đạo xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình theo hướng rà soát, loại bỏ những nội dung thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực; làm rõ khái niệm “vùng nghèo, vùng khó khăn”; nghiên cứu việc tách tiểu dự án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (tiểu dự án 5) thành một dự án, bổ sung yêu cầu về nhà ở phải bảo đảm bảo chống chọi được thiên tai và thứ tự ưu tiên hỗ trợ, phân công cơ quan chủ trì hợp lý.



Chính phủ chỉ đạo mở rộng giáo dục nghề nghiệp ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề trực tiếp cho đối tượng người nghèo; tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo nghề, nâng cao chất lượng đào tạo để bảo đảm hiệu quả; phát triển các chương trình đào tạo ở trình độ trung cấp, cao đẳng (dài hạn), chương trình khởi nghiệp sáng tạo; thúc đẩy các giải pháp đào tạo nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm, nhu cầu của thị trường, phù hợp với đối tượng; điều tra, khảo sát để xác định nhu cầu, từ đó có chương trình đào tạo thích hợp, bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí. Rà soát các dự án về giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo tránh trùng lặp.

***d) Dự án 5. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin***

- **Ý kiến thẩm tra:** Chương trình đã nêu một số hạn chế : (1) Vẫn còn khoảng 1.935 thôn, bản chưa có dịch vụ viễn thông di động mặt đất, khoảng 9.000 thôn, bản chưa có dịch vụ internet băng thông rộng cố định. (2) Một bộ phận nhân dân ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, nhất là hộ nghèo còn khó khăn trong việc trang thiết bị đầu cuối có khả năng truy cập internet cũng như bảo đảm chi phí sử dụng dịch vụ.

Ủy ban đề nghị: (1) Làm rõ việc 550.000 hộ nghèo ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hỗ trợ điện thoại thông minh nhưng nếu rơi vào các thôn, bản chưa có dịch vụ viễn thông di động mặt đất, chưa có dịch vụ internet băng thông rộng cố định hoặc không bảo đảm được chi phí sử dụng dịch vụ thì khắc phục thế nào? (2) Chuyển nhiệm vụ Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông để đáp ứng yêu cầu tăng nội dung thông tin, tuyên truyền nhất là ở cơ sở vào dự án Nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá (dự án 6). (3) Bỏ hoạt động cung cấp sản phẩm thông tin cho đối tượng bảo trợ xã hội, người yếu thế vì không thuộc đối tượng của Chương trình. (4) Thực hiện có hiệu quả hoạt động truyền thông giảm nghèo, nâng cao ý thức tự vươn lên thoát nghèo, phát huy vai trò, nội lực của người nghèo và cộng đồng để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; chú trọng biểu dương, khen thưởng đối với các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo phấn đấu và có thành tích thoát nghèo bền vững.

**- Ý kiến của đại biểu Quốc hội:**

+ Đồng tình với dự án 5 (01 ý kiến). Đề nghị quan tâm đầu tư cho hạ tầng thông tin (01 ý kiến), hạ tầng công nghệ thông tin (01 ý kiến). Hiện quỹ viễn thông công ích đang còn tiền, nếu cần thì tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông và là quỹ ngoài ngân sách, quan trọng là phải nâng cao hạ tầng viễn thông, khả năng tiếp cận. (01 ý kiến).

+ Đề nghị quan tâm tăng cường thông tin về giảm nghèo trên truyền thông, nghèo thông tin dẫn đến nghèo nhận thức, cần cung cấp thông tin hiệu quả, chất lượng để người dân có ý chí vươn lên thoát nghèo (03 ý kiến). Điều này quan trọng hơn việc đầu tư vào điện thoại thông minh và mạng internet, bởi trên mạng có rất nhiều thông tin chúng ta không kiểm soát được như tệ nạn, cờ bạc trong khi người dân chưa nhận thức được đầy đủ (01 ý kiến). Việc

hỗ trợ điện thoại thông minh là chưa phù hợp vì còn 900.000 hộ chưa có điện và đa số đối tượng này nằm ở những vùng chưa có hạ tầng số bảo đảm, đề nghị rà soát lại (09 ý kiến), cần nghiên cứu hướng tới cho địa phương gói đăng ký, hỗ trợ về báo chí, thư viện thì thiết thực hơn (01 ý kiến), nên theo hình thức hỗ trợ tiền mặt để tránh trường hợp bị thất thoát vốn khi đến tay người dân (01 ý kiến), đề nghị giảm bớt hỗ trợ trực tiếp cho các hộ nghèo, nên hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm (01 ý kiến).

+ Tăng cường truyền thông về công tác giảm nghèo để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, để người nghèo có khát vọng vươn lên thoát nghèo (02 ý kiến).

+ Rà lại các tiêu chí trong dự án 5 về vấn đề truyền thông, cần phân tích, đánh giá nhu cầu của người nghèo, hộ nghèo để đầu tư, cung cấp cho phù hợp, tránh tình trạng người ta đang cần cái này chúng ta lại đưa cái khác (01 ý kiến).

+ Đề nghị thay cụm từ “có nhu cầu” bằng cụm từ “được tiếp cận” sử dụng dịch vụ viễn thông. Mục tiêu ở đây phải là hạ tầng viễn thông (02 ý kiến). Đề nghị không phân chia 2 tiểu dự án (01 ý kiến).

**Về vấn đề này, Chính phủ tiếp thu,** chỉ đạo xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình theo hướng không đưa nội dung sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ điện thoại thông minh cho hộ nghèo và xác định cụ thể đối tượng, địa bàn, cách thức hỗ trợ phù hợp, bảo đảm người nghèo được giảm nghèo về thông tin, góp phần thoát nghèo bền vững; bỏ hoạt động cung cấp sản phẩm thông tin cho đối tượng bảo trợ xã hội, người yếu thế. Tăng cường truyền thông về công tác giảm nghèo để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên thoát nghèo của người dân; chú trọng biểu dương, khen thưởng lĩnh vực giảm nghèo.

#### ***e) Dự án 6. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình***

- **Ý kiến thẩm tra:** Ủy ban thấy rằng: (1) Nội dung giám sát, đánh giá trong Dự án chưa rõ ràng, chưa đầy đủ, mới chỉ thể hiện giám sát, đánh giá về giảm nghèo mà chưa thể hiện nội dung giám sát, tiêu chí đánh giá về kết quả thực hiện 6 chiều dịch vụ xã hội cơ bản thể hiện qua 12 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của chuẩn nghèo đa chiều. (2) Tiểu dự án 2 về giám sát, đánh giá đề ra nội dung xây dựng một số hệ thống dữ liệu khác nhau là chưa phù hợp, có hệ thống cơ sở dữ liệu không liên quan đến Chương trình, mặt khác, đây là các nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan chủ trì Chương trình<sup>19</sup>. (3) Về bố trí nguồn lực cho dự án này, trong CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, việc nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá được xây dựng thành 1 dự án với tổng nguồn vốn là 575 tỷ đồng (ngân sách trung ương: 331 tỷ đồng, ngân sách địa phương: 164 tỷ đồng, vốn

<sup>19</sup> Xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia về giảm nghèo, giáo dục nghề nghiệp, việc làm, trợ giúp xã hội. Xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống giám sát, đánh giá trợ giúp xã hội đối với đối tượng yếu thế; trên cơ sở đó khuyến nghị giải pháp, cơ chế, chính sách phát triển mạng lưới trợ giúp xã hội.

huy động hợp pháp khác: 80 tỷ đồng). Giai đoạn 2021-2025, nội dung này được đề xuất trong Chương trình bao gồm 1 dự án với tổng nguồn vốn là 2.390 tỷ đồng (ngân sách trung ương: 1.990 tỷ đồng, ngân sách địa phương: 200 tỷ đồng, vốn huy động hợp pháp khác: 200 tỷ đồng), gấp 4,16 lần so với giai đoạn 2016-2020, trong khi tổng mức đầu tư đề xuất cho Chương trình gấp 1,77 lần tổng mức đầu tư giai đoạn trước.

Do đó, Ủy ban đề nghị: (1) Nội dung giám sát, đánh giá cần thể hiện được kết quả thực hiện các chiều dịch vụ xã hội cơ bản trong chuẩn nghèo đa chiều; giao nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành, địa phương trong giải quyết các chiều nghèo thiếu hụt, quan tâm đến bình đẳng giới. (2) Điều chỉnh lại các hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu theo hướng tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung của ngành, làm cơ sở để kết nối với hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. (3) Để đảm bảo khách quan, việc giám sát, đánh giá không chỉ có cơ quan quản lý nhà nước về giảm nghèo, các cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện các nội dung của Chương trình, mà cần có sự tham gia Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức quần chúng, tổ tự quản, cộng đồng và người dân. (3) Rà soát, tính toán nguồn vốn hợp lý để thực hiện.

#### **- Ý kiến của đại biểu Quốc hội:**

+ Dự án 6 đề ra quá nhiều nội dung tập huấn, hội thảo trao đổi kinh nghiệm. Chúng ta đã có 5 năm kinh nghiệm rồi, không thể bố trí nhiều kinh phí cho các hoạt động trên. Đề nghị xem xét lại, bố trí hợp lý hơn. Như tiểu dự án 1 mà đến 1.500 tỷ là nhiều trong khi chúng ta đang tiết giảm kinh phí cho các hoạt động này (01 ý kiến). Chi phí quản lý nên điều chỉnh lại, không nên dành quá nhiều cho kiểm tra, giám sát, nên dành cho người dân là chính (01 ý kiến). Cần tăng cường giám sát, nâng cao năng lực cán bộ (01 ý kiến).

+ Đề nghị có đánh giá độc lập về hiệu quả của Chương trình nhằm bảo đảm khách quan (01 ý kiến). Đề nghị cơ chế giám sát, đánh giá cần có sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, cộng đồng dân cư (01 ý kiến).

+ 03 CTMTQG đều có các dự án tuyên truyền, đánh giá, kiểm tra giám sát, đề nghị thành lập 01 dự án chung cho cả 03 chương trình để hiệu quả cao, tận dụng được nguồn nhân lực ở địa phương (01 ý kiến). Cần rà soát, gộp dự án này với các CTMTQG khác (01 ý kiến). Đề nghị không phân chia 2 tiểu dự án (01 ý kiến).

**Về vấn đề này, Chính phủ tiếp thu**, chỉ đạo xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình theo hướng nội dung giám sát, đánh giá cần thể hiện được kết quả thực hiện các chiều dịch vụ xã hội cơ bản, phân công cụ thể cho các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện; xây dựng cơ sở dữ liệu chung về an sinh xã hội, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên giám sát thực hiện Chương trình; điều chỉnh giảm nguồn vốn thực hiện dự án hợp lý, chuyển nhiệm vụ Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông vào dự án Nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá.

### 3. Về dự kiến nguồn lực thực hiện Chương trình

- **Ý kiến thẩm tra:** Chương trình dự kiến tổng nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2021-2025 là 75.000 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách trung ương: 48.000 tỷ đồng (vốn đầu tư: 20.000 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 28.000 tỷ đồng), ngân sách địa phương: 12.690 tỷ đồng (vốn đầu tư: 2.200 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 10.490 tỷ đồng), huy động hợp pháp khác: 14.310 tỷ đồng (vốn đầu tư: 2.600 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 11.710 tỷ đồng). Tổng mức đầu tư dự kiến cho Chương trình trong giai đoạn 2021-2025 tăng so với số kế hoạch và số thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 là 1,8 lần và 1,77 lần. So với vốn kế hoạch giai đoạn 2016-2020 thì vốn ngân sách trung ương tăng 1,2 lần, vốn ngân sách địa phương tăng 1,06 lần, vốn huy động khác tăng 2,9 lần. Tổng mức chi đầu tư giảm 1,15 lần, chi thường xuyên tăng 1,76 lần, trong đó chi thường xuyên từ ngân sách trung ương tăng 1,38 lần, từ ngân sách địa phương tăng 2,4 lần, từ nguồn huy động khác tăng 3 lần.

Ủy ban thống nhất với dự kiến bố trí 20.000 tỷ đồng từ vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương, đồng thời đề nghị Chính phủ: (1) Đối với nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách Trung ương, cần rà soát không sử dụng vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động có tính chất chi thường xuyên thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước hoặc chế độ, chính sách cho đối tượng đã được quy định tại các luật có liên quan. (2) Quán triệt bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là *“Đầu tư phải có trọng tâm, trọng điểm, không phân tán, dàn trải, manh mún; phải đúng, phải trúng các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đề ra.”* (3) Bảo đảm tính khả thi của việc bố trí vốn ngân sách trung ương trong năm 2021 cho Chương trình là 7.000 tỷ đồng để tránh gián đoạn, giảm hiệu quả thực hiện Chương trình. Cần nhắc việc bố trí tỷ trọng vốn lớn vào năm 2025 là năm cuối cùng của giai đoạn. (4) Ngân sách trung ương phải cơ bản bảo đảm thực hiện các dự án của Chương trình, không nên huy động ngân sách địa phương quá lớn khi hầu hết các địa phương đều gặp khó khăn về nguồn thu do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. (5) Xây dựng tiêu chí để phân bổ ngân sách nhà nước về giảm nghèo hợp lý, ưu tiên đầu tư nguồn lực theo nguyên nhân nghèo, đặc biệt trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, giải quyết một số chiều thiếu hụt còn lớn như nhà ở, y tế, nước sạch, vệ sinh. Khuyến khích địa phương có chính sách hỗ trợ và huy động nguồn lực thúc đẩy giảm nghèo bền vững. Tăng cường huy động các nguồn lực ngoài ngân sách cho công tác giảm nghèo. Quan tâm việc hướng dẫn lồng ghép nguồn lực thực hiện các CTMTQG.

Ngoài ra, đề nghị Chính phủ có kế hoạch bổ sung nguồn vốn cần đầu tư thêm cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội đối với các đối tượng của Chương trình<sup>20</sup>. Khi xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách có liên quan đến tín dụng chính sách xã hội cần bố trí đủ nguồn lực để kịp thời triển khai thực hiện. Tiếp tục xem xét điều

<sup>20</sup> Theo đề xuất, kiến nghị của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam là 22.500 tỷ đồng

chỉnh mức vay, thời hạn vay phù hợp với các ngành nghề sản xuất để phát huy tốt hơn hiệu quả tín dụng chính sách xã hội trong giảm nghèo bền vững; mở rộng đối tượng được vay đến các dự án sản xuất, kinh doanh, tạo sinh kế, việc làm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

**- Ý kiến của đại biểu Quốc hội:**

+ Thống nhất về nguồn lực thực hiện Chương trình (02 ý kiến). Đề nghị xem xét các nguồn lực để đảm bảo tính khả thi của các CTMTQG 2021-2025 (01 ý kiến). Nguồn lực còn hạn chế, bố trí nguồn lực trong chương trình chưa thực sự rõ ràng (01 ý kiến). Có thể cân đối để tăng nguồn vốn cho CTMTQG (01 ý kiến). Đề nghị cơ cấu nguồn vốn trong các CTMTQG cho hợp lý (01 ý kiến).

+ Chính phủ cần tính toán bố trí vốn giai đoạn 2021-2025 phù hợp, tránh năm chuyển giao không có kinh phí cho địa phương thực hiện (02 ý kiến). Phân bổ nguồn lực phải ngay từ các năm đầu, không để dồn vào năm cuối cùng không thể giải ngân được. Cần xác định đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để phát huy nguồn vốn (06 ý kiến), Nhà nước tập trung đầu tư những công trình, dự án mà người dân không làm được (trường học, giao thông...) (01 ý kiến).

+ Đề nghị phải phối hợp, lồng ghép giữa các CTMTQG, tránh đầu tư dàn trải, đặc biệt khi đất nước đang khó khăn do đại dịch COVID-19, đề nghị 03 CTMTQG cần rà soát tổng thể địa bàn, từng lĩnh vực cần thực hiện và chia theo lĩnh vực để đầu tư; phân bổ nguồn lực cần có phương án cụ thể, phân kỳ cụ thể, có tính khả thi (01 ý kiến). Cần huy động tổng hợp các nguồn lực; sự giúp đỡ của các tỉnh, thành phố giúp đỡ các huyện nghèo (01 ý kiến).

+ Bản khoản về việc cân đối nguồn lực của Trung ương, nguồn lực của địa phương khi tổng kinh phí thực hiện Chương trình của giai đoạn 2021-2025 dự kiến là 110.755 tỷ đồng, cao gấp 2,4 lần so với giai đoạn 2016-2020 (01 ý kiến).

+ Căn cứ vào đâu để đưa ra nguồn kinh phí 75.000 tỷ đồng, đề nghị cần đánh giá nguồn lực để đưa ra các tiêu chí một cách chính xác, khả thi trong quá trình thực hiện. Đề nghị có tính toán nguồn lực đối với các địa phương khó khăn, không cân đối được ngân sách (01 ý kiến).

+ Đề nghị tiếp tục tăng cường nguồn lực cho các chương trình này. Vấn đề khả năng cân đối của địa phương thì những tỉnh đã nhận trợ cấp thì không có nguồn để đóng góp thêm nên cần phải tính toán, cân đối cho những tỉnh nhận trợ cấp bảo đảm hợp lý và có nguồn lực để thực hiện chương trình. Có nhiều chương trình về vốn sự nghiệp, hỗ trợ sản xuất, đào tạo... cần tính toán kỹ, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả (01 ý kiến).

+ Các địa bàn khó khăn, ngân sách còn phụ thuộc nên việc cân đối ngân sách địa phương khó khăn, nhiều bất cập, cần nhắc thêm về tỷ lệ cho phù hợp đối với từng vùng (01 ý kiến). Đề nghị xem xét hỗ trợ ngân sách trung ương cho địa phương khó khăn vì tình thu không đủ bù chi nên đầu tư cho giảm nghèo, an sinh xã hội gặp khó khăn. Theo Quyết định 861 của Thủ tướng Chính phủ, Quảng Bình chỉ còn 15 xã thuộc khu vực I, II, III, giảm 49 xã so với trước nhưng điều

kiện kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân các xã này rất khó khăn, một số hộ không thể thoát nghèo, đề nghị Quốc hội cho kéo dài thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế, hỗ trợ học tập, vay vốn ưu đãi, hỗ trợ phát triển sản xuất đối với các xã này (01 ý kiến).

+ Việc giải ngân các CTMTQG còn chậm (05 ý kiến), năng lực triển khai còn hạn chế, việc phân bổ vốn phải tuân thủ Luật Đầu tư công, có nơi còn vướng mắc. Việc bố trí vốn đối ứng gặp khó khăn tại một số địa phương, việc phê duyệt một số dự án chưa đúng (01 ý kiến).

+ Đề nghị Chính phủ rà soát lại các tỉnh, nếu thực sự có ngân sách thì mới không được đầu tư, để tránh tình trạng có địa phương khó khăn nhưng không được đầu tư, hỗ trợ, bảo đảm công bằng (01 ý kiến).

+ Để tránh sự chồng chéo trùng lặp giữa 03 CTMTQG thì cần có cơ quan điều phối vốn để có hiệu quả. Đối với các huyện, xã miền núi thực hiện đều là các huyện, xã nghèo mà vốn đối ứng rất cao, đề nghị Chính phủ quan tâm điều tiết cho hài hòa để các tỉnh nghèo thực hiện các CTMTQG hiệu quả hơn (01 ý kiến).

+ Thống nhất báo cáo thẩm tra, không nên huy động ngân sách địa phương quá lớn (02 ý kiến). Đề nghị rà soát lại nguồn lực thực hiện chương trình, đặc biệt là ngân sách của các địa phương, tránh là gánh nặng cho các địa phương trong bối cảnh dịch bệnh đang ảnh hưởng đến phát triển kinh tế (04 ý kiến). Không nên bố trí ngân sách địa phương trong chi đầu tư (02 ý kiến). Xác định rõ các nguồn vốn đầu tư của trung ương, địa phương, nguồn vốn khác. Định hướng huy động nguồn vốn phù hợp (01 ý kiến).

+ Đề nghị những nội dung liên quan đến quản lý nhà nước phải sử dụng nguồn ngân sách chi thường xuyên, không sử dụng nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình (02 ý kiến).

+ Cần tính toán phương án huy động nguồn lực. Nguồn lực xã hội hóa huy động hiện nay cũng rất lớn (01 ý kiến). Cần huy động xã hội hóa để thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo bền vững (01 ý kiến).

+ Cần quan tâm mức đầu tư cao hơn, tăng thêm cho vùng miền núi khó khăn và quan tâm đầu tư về hạ tầng giao thông, điện để các hộ nghèo vươn lên, giảm nghèo bền vững, chứ không chỉ dừng lại ở hỗ trợ sinh kế (01 ý kiến).

+ Đối với vùng miền núi, vấn đề điện cho người dân cần phải bố trí sắp xếp lại dân cư, hoặc phải theo hình thức điện mặt trời hoặc điện áp mái chứ có vài ba hộ trên núi mà phải kéo điện lưới thì không có khả năng thực hiện, rồi phải hỗ trợ sinh kế và có chính sách cho dân tộc rất ít người (01 ý kiến).

+ Nguồn lực bố trí cho sinh kế thấp, chỉ có 2.800 tỷ đồng mà đây là nội dung chính, đề nghị tăng nguồn lực cho sinh kế để tạo sinh kế cho người dân nhằm tạo việc làm thường xuyên, hạn chế tái nghèo, phát sinh nghèo và vì ý thức vươn lên mang tính quyết định (03 ý kiến).

+ Nguồn kinh phí bố trí cho hỗ trợ phát triển sản xuất hiện nay đang bố trí 16,3% so với tổng kinh phí thực hiện chương trình giảm nghèo là thấp, có thể

cân đối với những nguồn khác để điều chỉnh nhằm đảm bảo mục tiêu thoát nghèo bền vững vì hỗ trợ phát triển sản xuất rất quan trọng (01 ý kiến).

+ Chỉ tiêu 50% hộ nghèo, cận nghèo thiếu hụt về nhà ở được hỗ trợ về nhà ở, cái này trước đây làm rất khó, mức hỗ trợ thấp, không có vốn đối ứng nên khó triển khai, đề nghị lồng ghép nguồn lực, xã hội hóa và nâng mức hỗ trợ lên (01 ý kiến).

+ Tập trung nguồn lực cho dự án 1, 2 (01 ý kiến). Đề nghị ưu tiên nguồn lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số (01 ý kiến). Tăng tỷ trọng kinh phí sự nghiệp trong tổng kinh phí hỗ trợ của Nhà nước để thực hiện các hoạt động tuyên truyền (01 ý kiến). Đầu tư nguồn lực, công nghệ thông tin cho công tác giảm nghèo (01 ý kiến). Đối với vùng sâu, vùng xa địa hình phức tạp, ngoài CTMQG giảm nghèo bền vững thì cần nguồn vốn dự phòng để bố trí giúp đỡ người dân do nguy cơ đối mặt với thiên tai cao, đề nghị cân nhắc bố trí (01 ý kiến). Cần xem xét bố trí nguồn vốn dự phòng (01 ý kiến).

+ Cần sớm ban hành các tiêu chí để phân bổ ngân sách và văn bản hướng dẫn để triển khai đồng bộ Chương trình (01 ý kiến). Cần bổ sung trong Nghị quyết tiêu chí phân bổ vốn đầu tư xây dựng hạ tầng (01 ý kiến). Cần có nguyên tắc ưu tiên nguồn lực cho những nội dung nào cấp bách như nhà ở, nước sinh hoạt hoặc nghề đào tạo nghề (01 ý kiến).

+ Về khai thác nguồn vốn ủy thác từ Ngân hàng chính sách xã hội thì Chính phủ cần có đánh giá, điều chỉnh các chính sách cho phù hợp (01 ý kiến). Nên bổ sung vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội để người dân được vay (01 ý kiến).

**Về vấn đề này, Chính phủ tiếp thu**, chỉ đạo xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình theo hướng không sử dụng vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thường xuyên; đầu tư trọng tâm, trọng điểm; bảo đảm tính khả thi bố trí vốn thực hiện Chương trình năm 2021 và năm cuối kỳ; hạn chế huy động ngân sách địa phương đối với địa bàn gặp khó khăn về nguồn thu do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19; sớm ban hành tiêu chí để phân bổ ngân sách nhà nước về giảm nghèo hợp lý, ưu tiên đầu tư nguồn lực theo nguyên nhân nghèo.

Do hạn chế về nguồn lực nên việc bố trí nguồn vốn từ Chương trình cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội đối với các đối tượng của Chương trình là không phù hợp, không khả thi. Chính phủ sẽ nghiên cứu, bố trí hợp lý nguồn vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, đồng thời hướng dẫn việc thực hiện cho vay từ nguồn vốn dư nợ, quay vòng của ngân hàng; tiếp tục hoàn thiện tín dụng chính sách xã hội trong giảm nghèo bền vững; mở rộng đối tượng được vay đến các dự án sản xuất, kinh doanh, tạo sinh kế, việc làm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

#### **4. Về cơ chế, giải pháp thực hiện Chương trình**

- **Ý kiến thẩm tra:** Ủy ban cơ bản tán thành các cơ chế, giải pháp của Chương trình, đồng thời đề nghị Chính phủ nhấn mạnh một số nội dung sau:

(1) Quán triệt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Chỉ thị số 05-CT/TW trong việc xây dựng cơ chế, giải pháp thực hiện Chương trình như hoàn thiện chính sách giảm nghèo; bảo đảm sinh kế bền vững và an toàn cho dân cư tại các vùng thường xuyên chịu tác động bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo.

(2) Bảo đảm tiếp tục thực hiện tinh thần cốt lõi của Nghị quyết 76/2014/QH13 của Quốc hội là thực hiện chính sách hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời gian thụ hưởng nhằm tăng cơ hội tiếp cận chính sách và khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo. Bổ sung chính sách khuyến khích vượt nghèo đối với cá nhân và đối với cộng đồng; bố trí nguồn lực theo kết quả đầu ra.

(3) Đổi mới quy trình xác định đối tượng nghèo theo hướng: Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, hỗ trợ các hộ gia đình tự đối chiếu theo chuẩn nghèo và đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã nếu thấy đáp ứng đủ điều kiện. Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, kiểm tra, xác nhận và đưa vào danh sách quản lý và chịu trách nhiệm về việc xác nhận đúng đối tượng, không bỏ sót đối tượng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân kiểm tra, giám sát.

(4) Tiếp tục rà soát, tích hợp chính sách theo hướng tập trung chính sách, nguồn lực, tăng khả năng tiếp cận chính sách của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

Có biện pháp thiết thực ưu tiên tập trung hỗ trợ đối với hộ nghèo là gia đình có công với cách mạng, bảo đảm gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn<sup>21</sup>.

(5) Xây dựng tiêu chí để phân bổ ngân sách nhà nước về giảm nghèo hợp lý, ưu tiên đầu tư nguồn lực theo nguyên nhân nghèo, đặc biệt trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, giải quyết một số chiều thiếu hụt còn lớn như nhà ở, y tế, nước sạch, vệ sinh. Khuyến khích địa phương có chính sách hỗ trợ và huy động nguồn lực thúc đẩy giảm nghèo bền vững. Tăng cường huy động các nguồn lực ngoài ngân sách cho công tác giảm nghèo. Quan tâm việc hướng dẫn lồng ghép nguồn lực thực hiện các CTMTQG.

Cân đối, bố trí đủ nguồn lực để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội. Khi xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách có liên quan đến tín dụng chính sách xã hội cần bố trí đủ nguồn lực để kịp thời triển khai thực hiện. Tiếp tục xem xét điều chỉnh mức vay, thời hạn vay phù hợp với các ngành nghề sản xuất để phát huy tốt hơn hiệu quả tín dụng chính sách xã hội trong giảm nghèo bền vững; mở rộng đối tượng được vay đến các dự án sản xuất, kinh doanh, tạo sinh kế, việc làm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

(6) Tiếp tục đổi mới cơ chế điều hành, chủ trì, phân công, phân cấp, phối hợp trong công tác giảm nghèo; hoàn thiện cơ chế phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở, cộng đồng trong công tác giảm nghèo; có cơ chế kiểm tra, giám

<sup>21</sup> Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020.



sát các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giảm nghèo; chỉ đạo xử lý nghiêm khắc các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giảm nghèo.

(7) Đảm bảo đánh giá đúng thực chất kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu Chương trình.

**- Ý kiến của đại biểu Quốc hội:**

+ Đồng tình tăng cường công tác giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các cơ quan đoàn thể (01 ý kiến).

+ Cần khắc phục hạn chế của giai đoạn trước là chưa khơi dậy ý thức giảm nghèo của người dân, chưa thay đổi được nhận thức của người nghèo dẫn đến người dân còn ỷ lại, không nỗ lực vươn lên thoát nghèo (02 ý kiến). Giảm dần hỗ trợ trực tiếp và chuyển sang hỗ trợ có điều kiện cho hộ nghèo (03 ý kiến). Nên hỗ trợ có điều kiện cho hộ nghèo và giao Ngân hàng chính sách xã hội phân phối nguồn vốn này (01 ý kiến).

+ Đề nghị bổ sung Bộ Giáo dục và Đào tạo (02 ý kiến) và Ngân hàng Chính sách xã hội tham gia phối hợp thực hiện Chương trình (01 ý kiến).

+ Cần có sự hướng dẫn chỉ đạo, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, giao sự chủ động cho địa phương để quá trình triển khai tránh trùng lặp, chồng chéo và phù hợp với thực tiễn (10 ý kiến). Cần có cơ chế riêng cho địa phương, tùy từng địa phương có thể có tiêu chí, cách làm phù hợp, tránh tình trạng chính sách áp đặt nội dung, cách làm cho cả nước (04 ý kiến).

+ Tăng mức vay vốn tín dụng chính sách xã hội đối với hộ nghèo, sinh viên thuộc hộ nghèo; vay vốn để giải quyết nhu cầu về nước sạch; đơn giản hóa các thủ tục cho vay (02 ý kiến). Thực hiện chương trình tín dụng chính sách đối với các hộ thoát nghèo, kéo dài thời gian cho các hộ vay, trên 120 tháng (01 ý kiến).

+ Quan điểm là những gì doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước có thể thực hiện được thì nhà nước không tham gia, có thể giao nhiệm vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp này thông qua việc đặt hàng hoặc đấu thầu (01 ý kiến). Đề nghị có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp chung tay giảm nghèo (02 ý kiến), họ có thể giúp đỡ người nghèo bằng cách tạo dựng nghề nghiệp giải quyết công ăn việc làm cho người nghèo. Cho phép doanh nghiệp hạch toán chi phí hỗ trợ người nghèo và chi phí sản xuất, có hình thức khen thưởng theo các mức độ khác nhau (01 ý kiến).

+ Đơn giản hóa các quy định như quy trình đấu thầu trong thực hiện dự án đầu tư về xây dựng từ khâu phê duyệt, lập dự toán, thanh quyết toán công trình để tạo điều kiện cho các địa phương nhất là các xã, các ấp trong triển khai thực hiện được thuận lợi (01 ý kiến).

**Về vấn đề này, Chính phủ tiếp thu**, chỉ đạo xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình và hoàn thiện cơ chế, chính sách giảm nghèo theo hướng quán triệt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Chỉ thị số 05-CT/TW, hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời gian thụ hưởng, đổi mới quy trình xác định đối tượng nghèo, tích hợp chính sách và lồng ghép

nguồn lực, xây dựng tiêu chí để phân bổ ngân sách nhà nước về giảm nghèo hợp lý, khuyến khích địa phương có chính sách hỗ trợ đặc thù, tăng cường huy động các nguồn lực ngoài ngân sách cho công tác giảm nghèo; đẩy mạnh cơ chế phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở, cộng đồng; tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát, bảo đảm đánh giá chính xác, thực chất. Bổ sung Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ngân hàng Chính sách xã hội tham gia phối hợp thực hiện Chương trình.

### **5. Về hồ sơ Chương trình và việc tuân thủ các quy định của pháp luật**

- **Ý kiến thẩm tra:** Ủy ban thấy rằng, hồ sơ Chương trình do Chính phủ trình cơ bản bảo đảm đầy đủ và nội dung cơ bản đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại các điều 20 và 29 của Luật Đầu tư công<sup>22</sup>. Nội dung của Chương trình bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

### **6. Về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2030**

- **Ý kiến thẩm tra:** Về thời gian thực hiện Chương trình, Chính phủ đề xuất Chương trình thực hiện trong 10 năm và chia làm 02 giai đoạn, 2021-2025 và 2026-2030. Tuy nhiên, Chính phủ chỉ trình Chương trình giai đoạn 2021-2025 mà chưa có các nội dung đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình của giai đoạn tiếp theo. Do đó, Ủy ban đề nghị Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình giai đoạn 2021-2025. Sau khi tổng kết việc thực hiện giai đoạn này, Chính phủ đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình giai đoạn 2026-2030 trình Quốc hội xem xét, phê duyệt.

Về các mục tiêu cụ thể, đề nghị làm rõ khái niệm “tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số” là “tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số” hay là “tỷ lệ hộ nghèo trong tổng số hộ dân tộc thiểu số” vì trong phần thực trạng công tác giảm nghèo, Chương trình mới nêu tỷ trọng hộ nghèo dân tộc thiểu số chiếm trên 61,28% tổng số hộ nghèo trong cả nước (cuối năm 2020) mà chưa nêu tỷ lệ hộ nghèo trong tổng số hộ dân tộc thiểu số. Đồng thời, với thực trạng như vậy, mục tiêu “tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số dưới 10% đến năm 2030” liệu có bảo đảm tính khả thi, đặc biệt khi chuẩn nghèo đa chiều còn tiếp tục được điều chỉnh tiếp cận với mức sống tối thiểu.

Ủy ban đề nghị bổ sung “ưu tiên hỗ trợ nhóm nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất” tại khoản 4 Điều 1 và “bảo đảm địa bàn đặc biệt khó khăn được ưu tiên đầu tư ở mức cao nhất” tại khoản 1 Điều 2.

#### **- Ý kiến của đại biểu Quốc hội:**

+ Về giai đoạn, thống nhất như dự thảo Nghị quyết (01 ý kiến). Đồng tình báo cáo thẩm tra bổ sung ưu tiên hỗ trợ nhóm nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số

<sup>22</sup> Tờ trình của Chính phủ, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước và các tài liệu khác có liên quan.

khó khăn nhất và bảo đảm địa bàn đặc biệt khó khăn được ưu tiên đầu tư ở mức cao nhất (01 ý kiến).

+ Đề nghị bổ sung, làm rõ hơn trong dự thảo Nghị quyết các nội dung: cần xác định thực trạng của các hộ nghèo, hộ cận nghèo; việc được lồng ghép nguồn lực và tích hợp chính sách; tổ chức thực hiện (01 ý kiến).

+ Quốc hội nên chỉ đưa ra chủ trương, mục tiêu, phân bổ nguồn lực, quy định những việc được làm, không được làm, thời hạn thực hiện, còn lại giao việc chủ động của từng cấp địa phương. Nên đưa nguyên tắc là Quốc hội quản lý CTMTQG và giao tổng nguồn lực để địa phương bố trí sử dụng (01 ý kiến). Nghị quyết chỉ nên quy định những chủ trương chung, những nhiệm vụ nhỏ nên giao Chính phủ điều chỉnh, không nên chốt cứng khoản chi trong Nghị quyết của Quốc hội, bổ sung cụm từ “tối thiểu”, những nhiệm vụ quản lý nhà nước thì không đưa vào để có tính tập trung (01 ý kiến). Nên có nghị quyết chung cho cả 2 CTMTQG hay mỗi CTMTQG có nghị quyết riêng? Nghị quyết cần bổ sung quy định việc giám sát của Quốc hội sau 2,5 năm và 5 năm (01 ý kiến).

+ Nghị quyết phải giao Chính phủ rà soát 03 CTMTQG, xác định từ nội dung, phạm vi, đối tượng điều chỉnh của từng chương trình để báo cáo với Quốc hội tại kỳ họp sau. Quốc hội đưa ra nguyên tắc để không bị chồng lấn (01 ý kiến).

**Về vấn đề này, Chính phủ thống nhất** với ý kiến thẩm tra của Ủy ban trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình giai đoạn 2021-2025. Sau khi tổng kết việc thực hiện giai đoạn 2021-2025, Chính phủ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình giai đoạn 2026-2030 trình Quốc hội xem xét, phê duyệt.

Chính phủ tiếp thu, chỉ đạo xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình theo hướng sửa đổi khái niệm “tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số” thành “tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số”, xây dựng tiêu chí “ưu tiên hỗ trợ nhóm nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất” và “bảo đảm địa bàn đặc biệt khó khăn được ưu tiên đầu tư ở mức cao nhất”.

## **7. Các vấn đề khác**

### **- Ý kiến của đại biểu Quốc hội:**

+ Quan điểm giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 cần quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng XIII, Chỉ thị 05-CT/TW. Cần phải rà soát, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, pháp luật để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các chương trình (01 ý kiến).

+ Đánh giá cao kết quả đạt được của Chương trình trong giai đoạn 2016-2020 (04 ý kiến). Bổ sung nguyên nhân vào nội dung thực trạng công tác giảm nghèo: một số người dân lúng túng trong việc sử dụng nguồn lực hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh do trình độ và điều kiện tiếp cận khoa học kỹ thuật. Việc đầu tư và sử dụng nguồn lực cơ sở hạ tầng còn tình trạng chất lượng không cao, quản lý sử dụng không hiệu quả gây lãng phí. Các công trình xây dựng nhanh hư hỏng, quản lý kém, đặc biệt là nước sạch và thủy lợi dễ hư hỏng. Nguồn đầu tư cho thôn, xã tương đối nhiều nhưng hiệu quả giảm nghèo

chưa được cao (01 ý kiến) và nguyên nhân do các tệ nạn xã hội (01 ý kiến).

+ Chính phủ cần đánh giá và rút kinh nghiệm, những tồn tại trong giai đoạn trước, đảm bảo tổ chức triển khai theo đúng quy định pháp luật, tránh lặp lại những hạn chế, bảo đảm triển khai chương trình đúng đối tượng đề ra đặc biệt với ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 (01 ý kiến). Khắc phục vướng mắc trong văn bản hướng dẫn về đối tượng, định mức còn chưa kịp thời (01 ý kiến).

+ Giải thích rõ khái niệm vùng nghèo, vùng khó khăn (01 ý kiến).

+ Nhà nước làm hạ tầng, giáo dục, nước sạch, y tế cộng đồng, còn lại nhà ở và vốn cho sản xuất, người dân phải lo, Nhà nước chỉ hỗ trợ giúp vốn làm nhà và sản xuất (01 ý kiến).

+ Cả 2 Chương trình chưa đề cập đến nước thải và rác thải, đề nghị quan tâm hơn, cần có hướng xử lý, phải có đất để xây dựng cơ sở xử lý rác thải, nước (01 ý kiến).

+ Bổ sung cơ sở dữ liệu danh sách hộ nghèo, phân loại được nhóm nghèo, cận nghèo (01 ý kiến).

+ Đề nghị xây dựng lại bộ tiêu chí nghèo để tránh tạo ra mâu thuẫn, mất cân bằng (01 ý kiến). Bộ tiêu chí xác định hộ nghèo cần chuẩn xác hơn, phải khoa học, chính xác, toàn diện, phù hợp điều kiện địa phương (03 ý kiến). Việc ban hành các tiêu chí hộ nghèo phải đáp ứng từng vùng miền (01 ý kiến).

+ Cần đánh giá lại tỷ lệ hộ nghèo hiện nay (01 ý kiến). Việc thống kê tỷ lệ người nghèo chưa tính đến bối cảnh dịch bệnh, nhiều người do dịch bệnh rơi vào tình trạng nghèo (03 ý kiến). Nghèo bây giờ phải tính theo chuẩn nào, vì tỉnh đã thoát nghèo nhưng các tỉnh khác lại nâng lên thì tỉnh đã thoát nghèo lại thành nghèo (01 ý kiến). Nếu Quốc hội thông qua, Chính phủ mới đi rà soát hộ nghèo thì đến khi nào mới thực hiện được (01 ý kiến). Chính phủ cần xác định điều tra chính xác hộ nghèo cận nghèo, phân tích nguyên nhân nghèo, phân loại nghèo, lý do do nghèo qua đó cần gấp rút hoàn thành cơ sở dữ liệu nghèo (04 ý kiến).

+ Sau khi Quốc hội thông qua Nghị quyết, Chính phủ cần sớm ban hành các văn bản có liên quan để triển khai (03 ý kiến) như danh mục các xã, các địa bàn khó khăn (01 ý kiến); cần phải xác định về tiêu chí đánh giá huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn (01 ý kiến); sớm ban hành nguyên tắc tiêu chí định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình (01 ý kiến). Đề nghị Chính phủ bổ sung thông tin danh sách địa bàn thực hiện theo từng tỉnh, thành phố để tránh chồng chéo địa bàn (01 ý kiến). Các CTMTQG cần được đẩy nhanh, đưa Nghị quyết của Quốc hội sớm vào thực tiễn (01 ý kiến). Khi Chương trình được thông qua, đề nghị Chính phủ bố trí nguồn lực để thực hiện ngay để kịp thời triển khai Chương trình (01 ý kiến), có biện pháp khẩn trương thực hiện, triển khai Chương trình để lấp vào khoảng trống, độ trễ của năm 2021 (01 ý kiến).

+ Nhiều nội dung trong Chương trình đã được điều chỉnh sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến, do vậy cần có sự đánh giá lại tính khả thi đối với nhiều nội dung trong Chương trình (01 ý kiến). Quá trình trình lên Quốc hội cần

phải có giải trình sơ bộ để đại biểu có thông tin nghiên cứu, cần có các thông tin điều chỉnh, thay đổi để theo dõi (01 ý kiến).

+ Đề xuất liên quan đến thực hiện Chương trình khi Chính phủ tổ chức triển khai: Đối tượng hỗ trợ phải chính xác; dự án hỗ trợ hộ nghèo phải phân tích nguyên nhân nghèo; sử dụng kinh phí, tài sản hợp lý, hiệu quả; kết quả công tác giảm nghèo phải chính xác; giao nhiệm vụ cho cơ quan, doanh nghiệp hỗ trợ thoát nghèo, xã hội hóa (01 ý kiến). Các chương trình khi thực hiện cần thống nhất, chống thất thoát, lãng phí trong quá trình triển khai, thực hiện không đúng đối tượng dẫn đến tiêu cực trong xã hội (01 ý kiến).

+ Có sự chênh lệch giữa giai đoạn trước, giai đoạn sau vì thế định mức phải tính làm sao cho phù hợp. Kinh phí trong giai đoạn 2016- 2020 đến nay còn chưa phân bổ, triển khai về địa phương để triển khai các chính sách thuộc chương trình như đầu tư cơ sở hạ tầng, dự án nhân rộng các mô hình. Như vậy sẽ gặp rất nhiều khó khăn về tổ chức thực hiện các mô hình, dự án (01 ý kiến).

+ Sớm thông báo kế hoạch phân bổ vốn cho địa phương (01 ý kiến). Đề nghị Chính phủ không hướng dẫn cụ thể, quá chi tiết từng dự án để các địa phương chủ động thực hiện phù hợp (01 ý kiến).

+ Cần rà soát chất lượng giảm nghèo, kế hoạch giảm nghèo của địa phương thường làm sau nên không tranh thủ được nguồn lực, giao chỉ tiêu nên chạy theo chỉ tiêu, dẫn đến tiêu cực (01 ý kiến).

+ Đề nghị chọn một số tỉnh để làm điểm, từ đó tổng kết, đánh giá và nhân rộng. Đồng thời cần tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ ở cơ sở, đẩy mạnh phân cấp cho cấp huyện (01 ý kiến).

+ Thủ tục người dân tiếp cận đến các nguồn vốn tín dụng chính sách cần phải đơn giản (01 ý kiến).

+ Cần cân nhắc vấn đề rủi ro kiểm toán khi địa phương phải thực hiện 3 chương trình là cả vấn đề vì cùng chương trình chỉ cần đổi tên đã thành chương trình khác. Kiến nghị cần có hướng dẫn, địa phương có thể xây dựng 1 chương trình chung (01 ý kiến).

+ Cần thúc đẩy chuyển đổi số trong giảm nghèo (02 ý kiến).

**Về vấn đề này, Chính phủ tiếp thu,** chỉ đạo hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình theo hướng phát huy những thành tựu, giải pháp giảm nghèo hiệu quả và khắc phục những hạn chế, tồn tại đã được đánh giá trong giai đoạn 2016-2020. Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chủ trì, quản lý 03 CTMTQG cần thống nhất, chống thất thoát, lãng phí trong quá trình thực hiện; hoàn thiện tiêu chí xác định hộ nghèo khoa học, chính xác, toàn diện, phù hợp điều kiện địa phương; bổ sung cơ sở dữ liệu về giảm nghèo, phân loại được nhóm nghèo, cận nghèo trong bối cảnh ảnh hưởng của đại dịch COVID-19; ban hành tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, tiêu chí, nguyên tắc và định mức phân bổ vốn; ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực giảm nghèo.

### III. KIẾN NGHỊ

Chính phủ kính trình Quốc hội ban hành Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ chỉ đạo xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi và tổ chức thực hiện CTMTQG theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ủy ban Xã hội và ý kiến của đại biểu Quốc hội đối với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, phê duyệt././

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Ủy ban và Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg;
- các Vụ: KTTH, QHĐP, NN, TH; Công TTĐT;
- Lưu: VT, KGVX (2). 31

**TM. CHÍNH PHỦ  
TU. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG  
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**



**Đào Ngọc Dung**